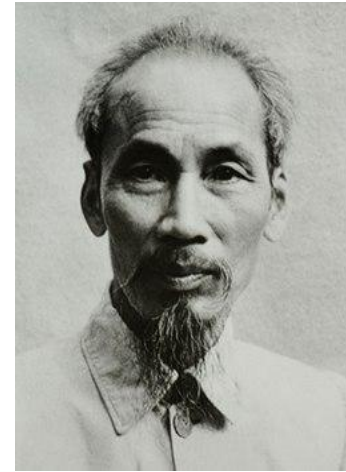
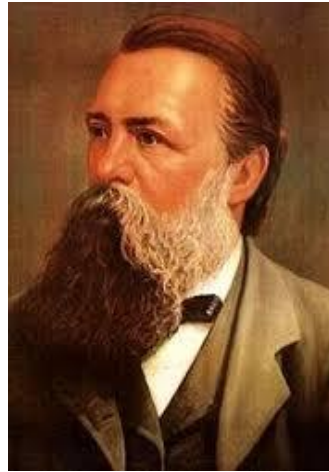
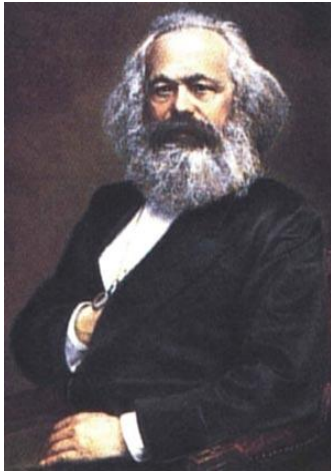


KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊ NIN



CHƯƠNG 6: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ TRONG PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM

Nội dung Chương 6



6.1. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

6.2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

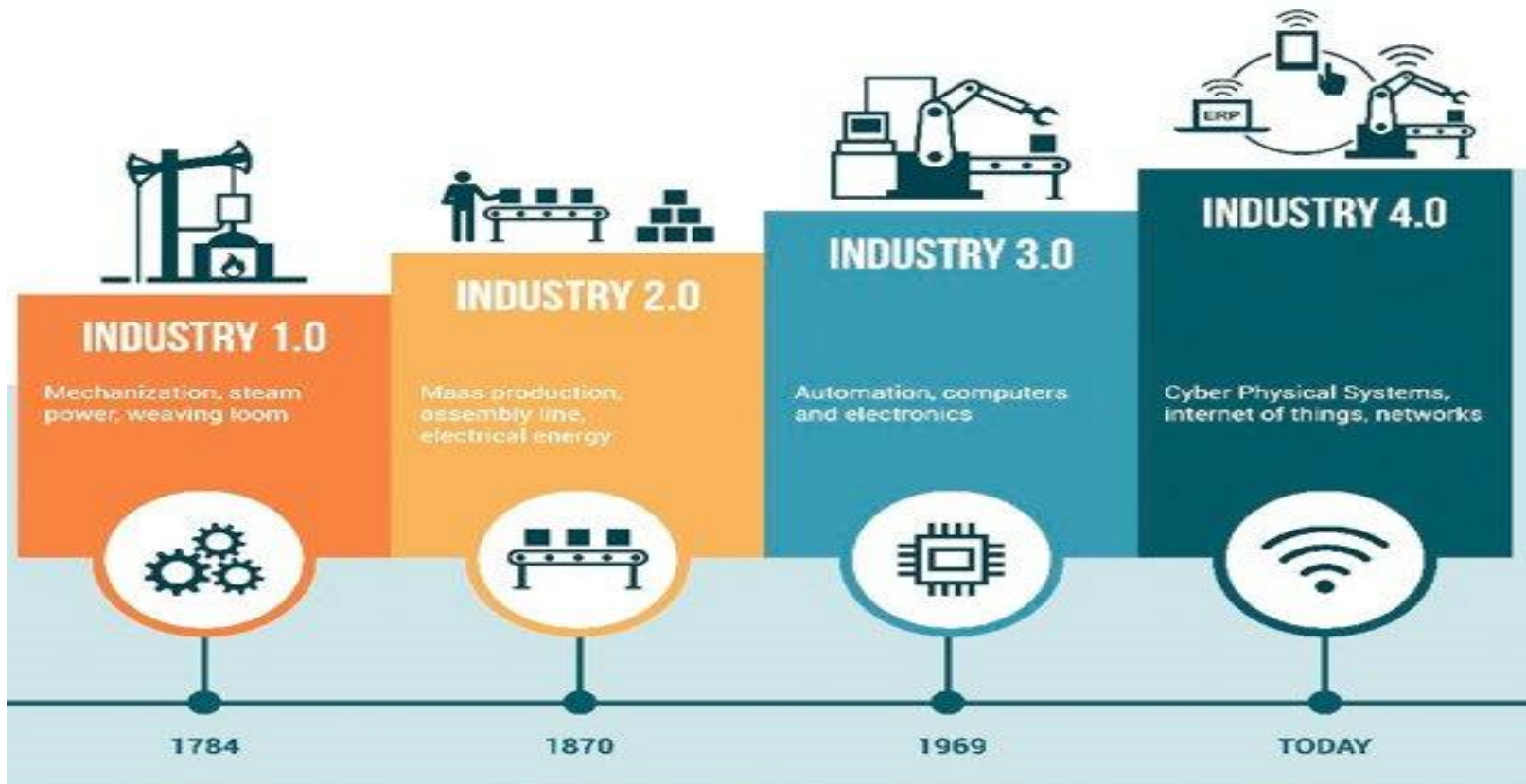
Khái quát về CM Công nghiệp

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP

- ❖ Theo nghĩa hẹp: bước phát triển nhảy vọt của LLSX xã hội từ sản xuất nhỏ, thủ công → sản xuất lớn, máy móc
- ❖ Theo nghĩa rộng: bước phát triển nhảy vọt trong kỹ thuật, công nghệ, tổ chức sản xuất → thay đổi cơ bản các điều kiện KTXH, văn hóa, kỹ thuật trên phạm vi quốc gia, quốc tế

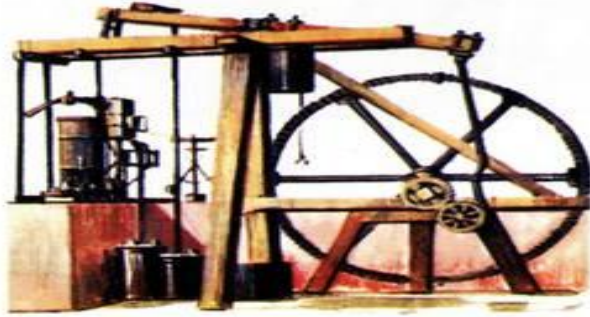
Khái quát về CM Công nghiệp

LỊCH SỬ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP



Khái quát về CM Công nghiệp

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 1.0 (giữa TK XVIII)



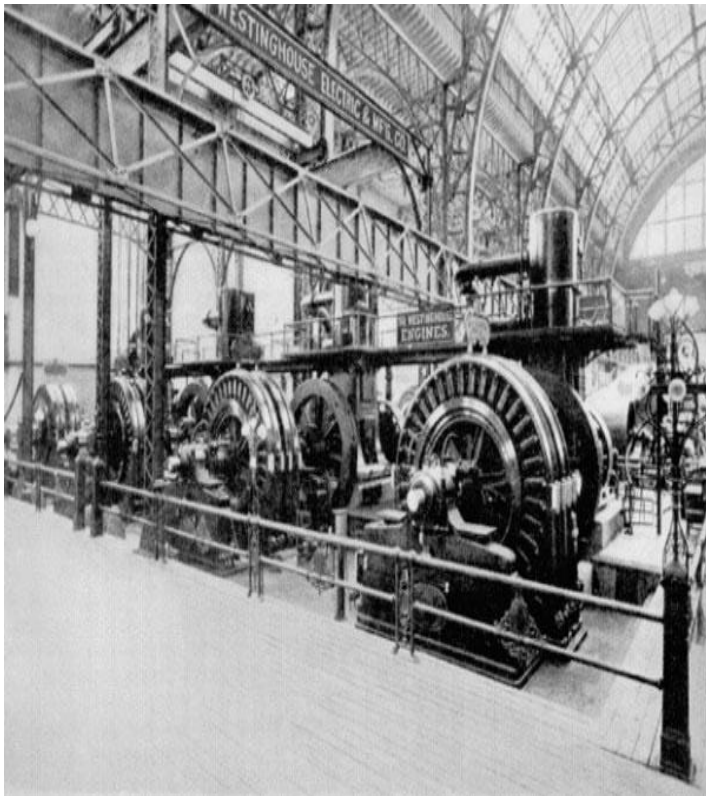
Phát minh máy hơi nước của Giêm Oat



- ❖ **TIỀN ĐỀ:** kinh tế hàng hóa phát triển; nhiều phát minh về địa lý; vai trò ngày càng lớn của giai cấp tư sản
- ❖ **NỘI DUNG:** cơ giới hóa sản xuất
- ❖ **TÁC ĐỘNG:** mở đường cho kinh tế hàng hóa; tập trung TLSX → tập trung tài sản → tập trung chính trị; Tư sản >< Vô sản

Khái quát về CM Công nghiệp

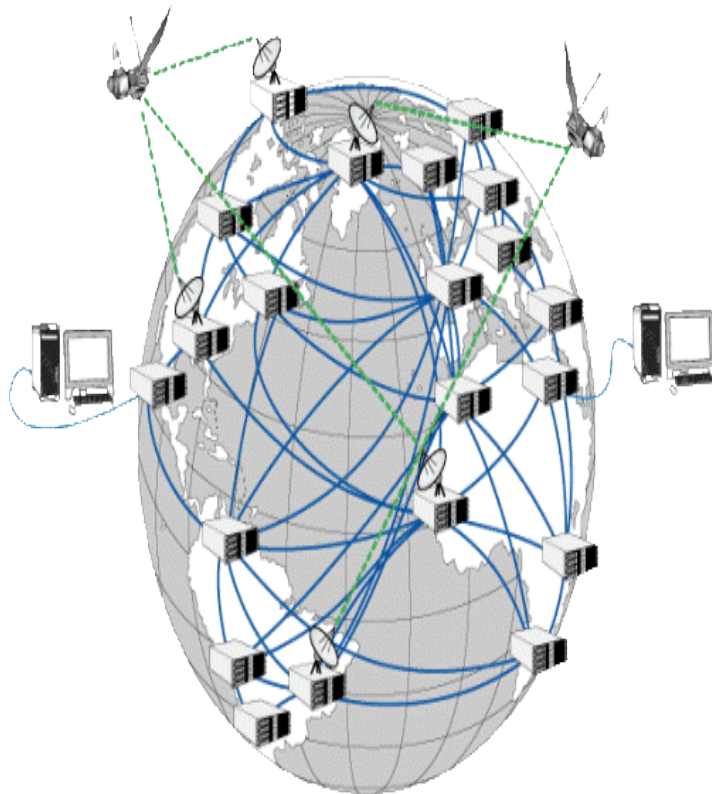
CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 2.0 (cuối XIX đến đầu XX)



- ❖ **TIỀN ĐỀ:** kinh tế hàng hóa phát triển vượt bậc
- ❖ **NỘI DUNG:** cơ khí → điện cơ khí và tự động hóa cục bộ
- ❖ **TÁC ĐỘNG:** khoa học trở thành LLSX trực tiếp; đẩy nhanh quá trình xã hội hóa sản xuất; CNTB độc quyền; văn minh trí tuệ; thuộc địa, chiến tranh, Nhà nước

Khái quát về CM Công nghiệp

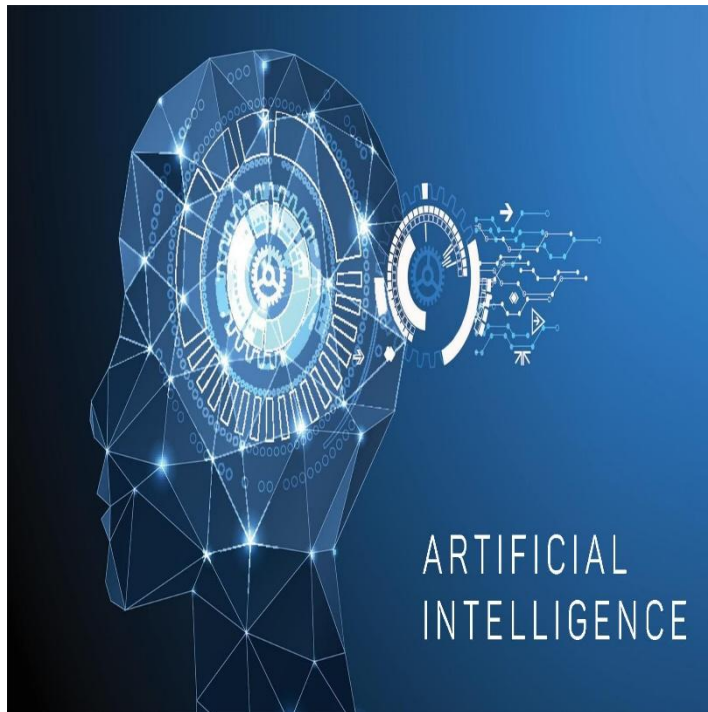
CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 3.0 (1969 – cuối XX)



- ❖ **TIỀN ĐỀ:** cạnh tranh khốc liệt
- ❖ **NỘI DUNG:** chuyển nền kinh tế công nghiệp → nền kinh tế tri thức; tư bản hữu hình → tư bản vô hình
- ❖ **TÁC ĐỘNG:** thay đổi diện mạo đời sống; thay đổi phương thức QLNN; tầng lớp trung lưu; toàn cầu hóa

Khái quát về CM Công nghiệp

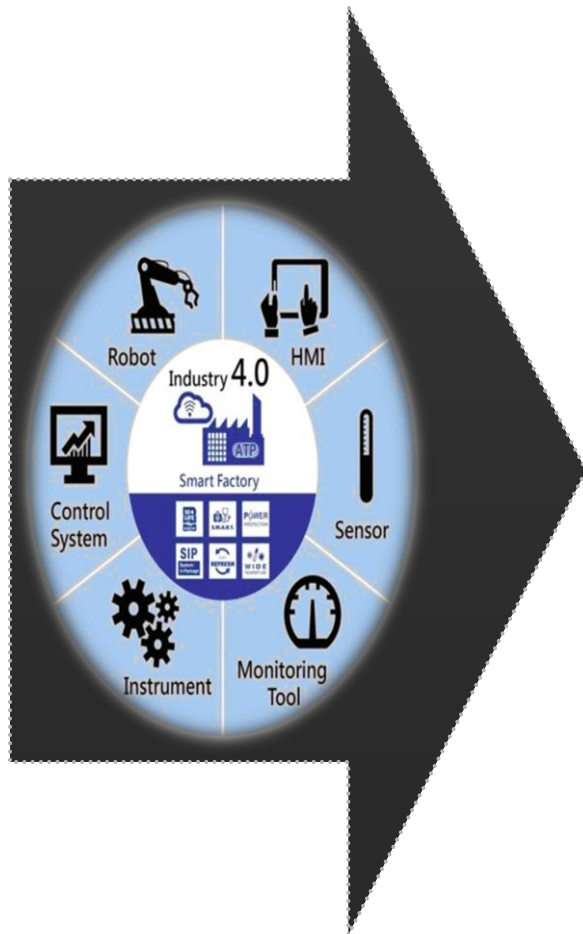
CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 (bắt đầu từ 2012)



- ❖ **TIỀN ĐỀ:** yêu cầu nâng cao NSLĐ
- ❖ **NỘI DUNG:** chuyển đổi thể giới thực → thể giới ảo; Print3D, IoT; VR, AI, AR, BigData...
- ❖ **TÁC ĐỘNG:** nhà máy thông minh; đời sống sinh hoạt và sản xuất thuận tiện và năng suất hơn; xã hội hóa sản xuất

Khái quát về CM Công nghiệp

VAI TRÒ CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP



➔ **THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN
CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT**

➔ **THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH HOÀN
THIỆN QUAN HỆ SẢN XUẤT**

➔ **THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI
PHƯƠNG THỨC QUẢN TRỊ
PHÁT TRIỂN**

THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

- ❖ Tự liệu lao động: thủ công → máy móc → máy tính → tự động hóa
- ❖ Phát triển nguồn nhân lực, năng suất lao động, gia tăng của cải vật chất
- ❖ Đối tượng lao động: mở rộng không ngừng, không còn phụ thuộc vào tự nhiên
- ❖ Thúc đẩy tri thức, kinh nghiệm, kiến thức phát triển, tạo thuận lợi cho các nước đi sau
- ❖ Người dân tiếp cận được với nhiều sản phẩm và dịch vụ mới có chất lượng cao với chi phí thấp hơn

→ 1.7 tỉ người chưa có điện

→ 4 tỉ người chưa có internet

THỨC ĐẨY QUÁ TRÌNH HOÀN THIỆN QUAN HỆ SẢN XUẤT

- ❖ Biến đổi về sở hữu TLSX: SX lớn, tích tụ và tập trung → liên kết sở hữu, công ty cổ phần → đa dạng hóa về sở hữu, xã hội hóa sản xuất
 - ❖ Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa
 - ❖ Cải tiến phương thức tổ chức, quản lý kinh doanh
 - ❖ Phân phối: NSLĐ tăng, chi phí sản xuất giảm, thu nhập tăng, đời sống cải thiện
- Nạn thất nghiệp và phân hóa thu nhập
 - Bất bình đẳng xã hội
 - Chính sách phân phối thu nhập và an sinh xã hội

THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN

- ❖ Thể giới phẳng → kinh tế tri thức
- ❖ Vai trò của TNC ngày càng cao, sự xuất hiện của các tổ chức kinh tế khu vực và quốc tế
- ❖ Chính phủ điện tử, đô thị thông minh, chính quyền thông minh → quản trị và điều hành dựa trên hạ tầng số và internet → dân chủ, minh bạch, hiệu quả hơn
- ❖ Thay đổi cách thức thiết kế, tiếp thị và cung ứng HHĐV, bắt nhịp với không gian số → nguồn lực chủ yếu là công nghệ, trí tuệ đổi mới, sáng tạo → dựa trên phần mềm và quy trình quản lý
- ❖ Thách thức lớn nhất cho các quốc gia là sự chênh lệch về tính chất và trình độ của LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

Khái quát về Công nghiệp hóa

- Theo LHQ, CNH là 1 quá trình phát triển KT trong đó 1 bộ phận nguồn lực quốc gia ngày càng lớn được huy động để xây dựng cơ cấu KT nhiều ngành với công nghệ hiện đại nhằm tạo ra TLSX, hàng tiêu dùng có khả năng đảm bảo nhịp độ tăng trưởng cao trong toàn bộ nền KT và bảo đảm tiến bộ xã hội
- Ở VN, CNH được hiểu là quá trình chuyển đổi nền sản xuất xã hội từ dựa trên lao động thủ công là chính sang nền sản xuất xã hội dựa chủ yếu trên lao động bằng máy móc nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Các mô hình Công nghiệp hóa tiêu biểu



Mô hình CNH cổ
điển

Mô hình CNH kiểu
Liên Xô (cũ)

Mô hình CNH của
Nhật Bản và các
nước công nghiệp
mới (NICs)

Mô hình CNH cổ điển

- ❖ Nước Anh với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, nổ ra vào giữa thế kỷ XVIII
- ❖ Bắt đầu từ ngành công nghiệp nhẹ (dệt) là những ngành đòi hỏi vốn ít, thu lợi nhuận nhanh
- ❖ Nguồn vốn chủ yếu do khai thác lao động làm thuê, làm phá sản những người sản xuất nhỏ trong nông nghiệp, đồng thời gắn liền với việc xâm chiếm và cướp bóc thuộc địa
- ❖ Kéo dài từ 60 – 80 năm
 - TƯ BẢN >< LAO ĐỘNG
 - Các nước TƯ BẢN với nhau
 - MẪU QUỐC >< THUỘC ĐỊA

Mô hình công nghiệp hoá kiểu Liên Xô cũ

- ❖ Từ đầu những năm 1930 ở Liên Xô (cũ), các nước XHCN ở Đông Âu (cũ) sau năm 1945 và một số nước đang phát triển đi theo con đường XHCN (Việt Nam) vào những năm 1960
- ❖ Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng với sự cấp vốn của Nhà nước và cơ chế kế hoạch tập trung, mệnh lệnh → trong một thời gian ngắn các nước theo mô hình Liên Xô (cũ) đã xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật to lớn
- ❖ Hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật to lớn ở trình độ cơ khí hoá, đã không thích ứng được, làm kìm hãm việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật mới, đồng thời với cơ chế kế hoạch hoá tập trung mệnh lệnh được duy trì quá lâu → thất bại

Mô hình CNH kiểu Nhật Bản và các nước NICS

- ❖ Nhật Bản và các nước công nghiệp hoá mới (NICs) như Hàn Quốc, Singapore
- ❖ Chiến lược công nghiệp hoá rút ngắn, đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển sản xuất trong nước thay thế hàng nhập khẩu, thông qua việc tận dụng lợi thế về khoa học, công nghệ của các nước đi trước, cùng với việc phát huy nguồn lực và lợi thế trong nước, thu hút nguồn lực từ bên ngoài
- ❖ Nhà nước kiến tạo phát triển
- ❖ Thời gian ngắn, trung bình khoảng 20 – 30 năm
- ❖ Hình mẫu cho Việt Nam

Các con đường tiếp thu và phát triển KHCHN

- ❖ Thông qua đầu tư **ngiên cứu, chế tạo và hoàn thiện dần dần** → thời gian dài, và tổn thất nhiều trong quá trình thử nghiệm.
- ❖ Tiếp nhận **chuyển giao công nghệ hiện đại từ nước phát triển** hơn, con đường này một mặt đòi hỏi phải có nhiều vốn và ngoại tệ, mặt khác luôn luôn chịu sự phụ thuộc vào nước ngoài.
- ❖ Xây dựng chiến lược phát triển khoa học, công nghệ nhiều tầng, kết hợp cả công nghệ truyền thống và công nghệ hiện đại. **Kết hợp vừa nghiên cứu chế tạo vừa tiếp nhận chuyển giao công nghệ** từ các nước phát triển hơn, con đường vừa cơ bản, lâu dài và vững chắc vừa đảm bảo đi tắt và bám đuổi theo các nước phát triển hơn.

Quan niệm về CNH, HĐH ở Việt Nam



Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội, từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học công nghệ, nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Tính tất yếu khách quan của CNH, HĐH ở Việt Nam

- CNH là quy luật phổ biến của sự phát triển LLSX xã hội mà mọi quốc gia đều trải qua
- Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội phải thực hiện từ đầu thông qua CNH, HĐH
- Quá trình thực hiện CNH, HĐH làm cho khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức ngày càng được tăng cường, củng cố, đồng thời nâng cao vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.
- CNH, HĐH được thực hiện cũng sẽ tăng cường tiềm lực cho an ninh, quốc phòng, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm chỉ đạo CNH, HĐH ở Việt Nam

- Giữ vững độc lập, tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế.
- CNH HĐH là sự nghiệp của toàn dân, của mọi TPKT trong đó KTNN là chủ đạo
- Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh, bền vững.
- Khoa học công nghệ là động lực của CNH HĐH
- Lấy hiệu quả KT-XH làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ
- Kết hợp chặt chẽ và toàn diện phát triển kinh tế với củng cố, tăng cường quốc phòng-an ninh của đất nước

Đặc điểm CNH, HĐH ở Việt Nam

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".
- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức.
- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế và Việt Nam đang tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Chiến lược CNH, HĐH ở Việt Nam

CNH thay thế NK (hướng nội):

- Thiết lập bộ máy sx trong nước để hạn chế dần việc NK trong tổng nguồn cung ứng hàng hóa
- Thực hiện theo 2 cách:
 - ↑ CN nhẹ → phát triển CN nặng
 - ưu tiên ↑ CN nặng → CN nhẹ

Chiến lược CNH, HĐH ở Việt Nam

CNH hướng về XK:

Nguyên tắc: đẩy mạnh XK những mặt hàng không truyền thống miễn là có lợi thế so sánh

Thực hiện theo 3 cách:

- XK sản phẩm thô, sơ chế
- thực hiện theo từng công đoạn
- kết hợp T² trong nước với T² ngoài nước, nhưng nhấn mạnh T² ngoài nước

Nội dung CNH, HĐH ở Việt Nam

- Tạo lập những điều kiện để chuyển đổi từ nền sản xuất - xã hội lạc hậu sang nền sản xuất - xã hội tiên bộ.
- Thực hiện các nhiệm vụ để chuyển đổi nền sản xuất - xã hội lạc hậu sang nền sản xuất - xã hội hiện đại.
 - ✓ Đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới, hiện đại → kinh tế tri thức
 - ✓ Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý và hiệu quả
 - ✓ Từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
 - ✓ Sẵn sàng thích ứng với tác động của bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)

Phương thức thích ứng của VN đối với CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0



- ❖ Hoàn thiện thể chế, xây dựng nền kinh tế dựa trên nền tảng sáng tạo.
- ❖ Nắm bắt và đẩy mạnh việc ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0).
- ❖ Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để ứng phó với những tác động tiêu cực của cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)

Tiền đề thực hiện thắng lợi CNH, HĐH ở Việt Nam

- Huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả
- Đào tạo nguồn nhân lực
- Phát triển khoa học và công nghệ
- Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại
- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước

Huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả

Có 2 nguồn vốn: trong nước và ngoài nước

Vốn trong nước được hình thành từ các khoản tiết kiệm (tích lũy), gồm có:

- tiết kiệm của ngân sách
- tiết kiệm của các DNNN
- tiết kiệm của các DNTN và TK của dân cư

Vốn trong nước giữ vai trò quyết định vì: nó là nhân tố bên trong, là tiền đề để huy động vốn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn nước ngoài

Huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả

Nguồn vốn nước ngoài là rất quan trọng, nhất là trong thời kỳ đầu.

Vốn nước ngoài gồm có:

- vốn đầu tư trực tiếp (FDI)
- viện trợ phát triển chính thức (ODA)

Tranh thủ nguồn vốn bên ngoài là một nhân tố đẩy nhanh thành công sự nghiệp CNH HĐH

Huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả

Vốn cần cho CNH HĐH nhiều hay ít phụ thuộc vào:

- tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh hay chậm
- tỷ lệ gia tăng vốn-đầu ra (ICOR) cao hay thấp
- tỷ lệ tiết kiệm trong GDP nhiều hay ít

Đào tạo nguồn nhân lực

Nguồn lực con người là nguồn vốn quý nhất, là nguồn tài nguyên không bao giờ cạn kiệt, là chủ thể khai thác các nguồn lực khác

Con đường “rút ngắn” đòi hỏi phải phát huy lợi thế so sánh của đất nước, đó là: nguồn nhân lực trí tuệ được giáo dục đào tạo theo hướng CNH HĐH

→ giáo dục đào tạo phải được coi là quốc sách hàng đầu

Phát triển KH&CN

- Phát triển khoa học công nghệ là động lực của CNH HĐH, có vai trò quyết định lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển kinh tế
- Cần xây dựng một tiềm lực khoa học công nghệ thích ứng với sự đòi hỏi của CNH HĐH.
- Cần xây dựng thực hiện tốt cơ chế và chính sách đồng bộ cho sự phát triển khoa học công nghệ

Mở rộng quan hệ KTĐN

Mở rộng quan hệ KTĐN nhằm:

- thu hút nhiều nguồn vốn bên ngoài
- tiếp thu công nghệ kỹ thuật hiện đại
- mở rộng thị trường cho CNH, HĐH

Trong xu thế toàn cầu hóa, không mở cửa hội nhập tất không tránh khỏi lạc hậu, lạc điệu, lạc lõng.

Có đường lối KTĐN đúng sẽ kết hợp được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, giữ vững độc lập tự chủ, thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH

Nội dung Chương 6



6.1. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

6.2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

Khái niệm HNKT quốc tế

Hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia là quá trình quốc gia đó thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.

Tính tất yếu khách quan của HNKT quốc tế

- Do xu thế khách quan trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế
- Phương thức phát triển phổ biến của các nước, nhất là các nước đang và kém phát triển trong điều kiện hiện nay

Xu thế khách quan trong bối cảnh toàn cầu hóa

- Hệ thống phân công lao động quốc tế → nền kinh tế của các nước trở thành một bộ phận hữu cơ và không thể tách rời nền kinh tế toàn cầu
- Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra cơ hội để các quốc gia giải quyết những vấn đề toàn cầu
- Tận dụng được các thành tựu của cách mạng công nghiệp, biến nó thành động lực cho sự phát triển.

Phương thức phát triển của các nước đang và kém phát triển hiện nay

- cơ hội để tiếp cận và sử dụng được các nguồn lực bên ngoài như tài chính, khoa học công nghệ, kinh nghiệm
- tận dụng thời cơ phát triển rút ngắn, thu hẹp khoảng cách, khắc phục nguy cơ tụt hậu
- giúp mở cửa thị trường, thu hút vốn, thúc đẩy công nghiệp hoá, tăng tích lũy; tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới và nâng cao mức thu nhập
- gia tăng sự phụ thuộc do nợ nước ngoài, tình trạng bất bình đẳng trong trao đổi mậu dịch - thương mại giữa các nước đang phát triển và phát triển

Nội dung Hội nhập kinh tế quốc tế

■ Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện hội nhập hiệu thành công

- ✓ Các điều kiện sẵn sàng về tư duy,
- ✓ Sự tham gia của toàn xã hội,
- ✓ Sự hoàn thiện và hiệu lực của thể chế,
- ✓ Nguồn nhân lực,
- ✓ Sự am hiểu môi trường quốc tế,
- ✓ Nền kinh tế có năng lực sản xuất thực...

Nội dung Hội nhập kinh tế quốc tế

- Thực hiện đa dạng các hình thức, các mức độ hội nhập kinh tế quốc

VỀ MỨC ĐỘ

- ✓ Thỏa thuận thương mại ưu đãi (PTA)
- ✓ Khu vực mậu dịch tự do (FTA)
- ✓ Liên minh thuế quan (CU)
- ✓ Thị trường chung (hay thị trường duy nhất)
- ✓ Liên minh kinh tế - tiền tệ...

Nội dung Hội nhập kinh tế quốc tế VỀ HÌNH THỨC



- **NGOẠI THƯƠNG**
- **HỢP TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH**
- **HỢP TÁC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**
- **ĐẦU TƯ QUỐC TẾ**
- **DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Tác động của HNKTQT đến Việt Nam



- ❖ Mở rộng thị trường, tạo điều kiện cho sản xuất trong nước
- ❖ Thúc đẩy CDCCKT, nâng cao NLCT, hoàn thiện MTKD
- ❖ Nâng cao trình độ NNL và tiềm lực KHCN quốc gia
- ❖ Giúp DN tiếp cận thị trường, vốn, công nghệ, tri thức quản trị
- ❖ Tạo cơ hội cải thiện tiêu dùng và tìm kiếm việc làm
- ❖ Nắm bắt và cập nhật nhanh chóng tình hình quốc tế
- ❖ Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại
- ❖ Hội nhập chính trị, hoàn thiện thể chế
- ❖ Nâng cao vai trò, vị thế, uy tín quốc gia
- ❖ Đảm bảo an ninh quốc gia, duy trì hòa bình và tham gia xử lý các vấn đề toàn cầu

Tác động của HNKTQT đến Việt Nam



- ❖ Gia tăng sự cạnh tranh gay gắt, tạo khó khăn cho DN và các ngành kinh tế trong nước
- ❖ Gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào thị trường bên ngoài
- ❖ Tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội
- ❖ Dễ trở thành bãi rác công nghiệp và công nghệ thấp, cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường
- ❖ Tạo ra một số thách thức đối với chủ quyền quốc gia và quyền lực Nhà nước
- ❖ Nguy cơ xói mòn bản sắc dân tộc và văn hóa quốc gia
- ❖ Gia tăng của tình trạng khủng bố quốc tế, buôn lậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh, nhập cư bất hợp pháp

Quan điểm HNKTQT của Việt Nam

- ❖ VN mong muốn chân thành là bạn với những ai muốn là bạn với VN
- ❖ thái độ trách nhiệm cao sẵn sàng là đối tác tin cậy của các nước, nghiêm chỉnh thực hiện mọi cam kết chung khi đã thiết lập quan hệ đối tác và ngược lại các đối tác cũng phải nghiêm chỉnh thực hiện các cam kết đã thỏa thuận với nhau
- ❖ cơ sở chung để thiết lập quan hệ giữa nước ta với các nước là “phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”

Phương hướng nâng cao hiệu quả HNKTQT của Việt Nam

- ❖ Nhận thức sâu sắc về thời cơ và thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại
- ❖ Xây dựng chiến lược và lộ trình hội nhập kinh tế phù hợp
- ❖ Tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết kinh tế quốc tế và thực hiện đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong các liên kết kinh tế quốc tế và khu vực
- ❖ Hoàn thiện thể chế kinh tế và luật pháp
- ❖ Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế
- ❖ Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ của Việt Nam

Giải pháp nâng cao hiệu quả HNKTQT của Việt Nam

- ❖ tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tổ chức quản lý, cải cách nền hành chính quốc gia
- ❖ nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, sức cạnh tranh của từng sản phẩm, từng doanh nghiệp
- ❖ chủ động và tích cực thâm nhập thị trường quốc tế. Nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại và đầu tư
- ❖ khuyến khích người VN định cư ở nước ngoài về nước đầu tư kinh doanh, doanh nghiệp VN đầu tư ra nước ngoài.
- ❖ tăng cường đầu tư cho giáo dục